

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TUY HÒA **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 27/3/2019

Về việc “*tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Tự

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Trọng Khá.

2. Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Phan Thị Lệ Siêng- Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Tuy Hòa;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*
ông Trần Văn Hữu– kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 08 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Nghĩa H, sinh năm 1970; Trú tại: đường H, phường B, TP T, tỉnh Phú Yên; Ủy quyền cho ông Nguyễn Hương Q, sinh năm 1977; địa chỉ: đường H, phường B, TP. T đại diện (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018). Có mặt

2. Bị đơn: Ông Bùi Thọ A, sinh năm 1972; Trú tại: đường H, phường B, TP T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông NLQ1, sinh năm 1957. Vắng mặt

+ Bà NLQ2, sinh năm 1958. Có mặt

+ Ông NLQ3, sinh năm 1987. Vắng mặt

+ Ông NLQ4, sinh năm 1991. Vắng mặt

+ Bà NLQ5, sinh năm 1974; Có mặt

+ Bà NLQ6, sinh năm 1990; Vắng mặt

Đồng Trú: đường H, phường B, TP T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà NLQ7 (tên tiếng anh là Ha Klassen); địa chỉ: Siliver Ave SanFancisco. Vắng mặt

+ Ủy ban nhân dân phường B, TP. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2018, các tài liệu có tại hồ sơ, và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau: cha mẹ bà H là ông Bùi Hữu B (sinh năm 1922, chết năm 1991) và bà Võ Thị V (sinh năm 1922, chết năm 2006). Cha mẹ bà H sinh được 02 con chung là Bùi Thị Nghĩa H và NLQ7, bà NLQ7 mất tích từ năm 1985 đến nay không rõ tung tích, không yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà NLQ7.

Ngoài ra, cha mẹ bà H nhận nuôi ông Bùi Thọ A. Trong quá trình sống chung cha mẹ bà H có tạo lập được tài sản chung là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T thuộc thửa đất số: 67, tờ bản đồ số: 04-III-D-d, diện tích 125,1m². Giới cận: Bắc giáp thửa 66; Nam giáp các thửa 92, 94, 95, 96; Đông giáp đường H kháng, Tây giáp thửa 97. Cha bà H chết năm 1991 không để lại di chúc, đến năm 2006 mẹ bà H chết có để lại di chúc phân thư ngày 30/6/2003 định đoạt đối với toàn bộ tài sản di sản. Di chúc phân thư ngày 30/6/2003 không thể hiện việc định đoạt di sản cho cá nhân nào hưởng mà chỉ thể hiện chỉ định những người có tên trong di chúc được ở trong ngôi nhà thôi, đề nghị Tòa xem xét tính hợp pháp của di chúc. Đến nay ông Bùi Thọ A không thống nhất cách phân chia di sản thừa kế.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản nói trên, đối với phần bà Cẩm NLQ7 đề nghị Tòa xem xét giải quyết phân chia cho bà Cẩm NLQ7 theo quy định của pháp luật, bà H xin nhận di sản bằng giá trị.

Bị đơn, ông Bùi Thọ A trình bày: Cha mẹ ông là ông Bùi Hữu Bỹ và bà Võ Thị V có sinh 01 người con đẻ là NLQ7. Khi còn sống ông B, bà V có tạo lập được tài sản chung là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T như bà H trình bày. Ông B chết không để lại di chúc. Ngày 30/6/2003 bà Võ Thị V để lại di chúc phân thư với nội dung như sau:

+ Để lại cho con Bùi Thọ A, vợ là NLQ5 và các con được thừa kế ở trong nhà đường H, dưới tầng trệt, phòng trước để làm nghề, phòng ở là đằng sau nơi hiện tại đang ở, bếp giếng thì dùng chung.

+ Phòng ngủ ở giữa hiện tại bà Võ Thị V ngủ thì để lại cho bà Bùi Thị Nghĩa H.

+ Vợ chồng ông NLQ1 và bà NLQ2 cùng các con ở phòng sau cùng trên tầng 2.

Bùi Thọ A là thư từ lo việc cung điện, cúng giỗ ông bà tổ tiên. Nhà cửa không được thế chấp, không được bán thực, không cho người lạ vào ở.

Nay bà Bùi Thị Nghĩa H yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông A không đồng ý và đề nghị tiếp tục thực hiện theo đúng nội dung của di chúc phân thư.

Bà NLQ7 (tên tiếng anh là Ha Klassen), có 01 con là Rebecca Klasse; hiện nay mẹ con bà NLQ7 đang ở California, Hoa Kỳ nhưng không rõ địa chỉ cụ thể ông đã cung cấp địa chỉ của bà NLQ7 theo giấy cung cấp địa chỉ ngày 05/9/2018 cho Tòa án. Ngoài ra, ông không cung cấp thông tin gì liên quan đến bà NLQ7 được nữa.

Quá trình ông A ở tại nhà đường H, phường B, TP. T, vào năm 2012 và 2014 ông A có sửa chữa nhà nhưng không nhớ sửa bao nhiêu tiền. Nay ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến số tiền ông A đã bỏ ra sửa chữa nhà.

Hiện tại nhà đường H, phường B, TP. T ngoài vợ chồng và con ông A đang sinh sống thì có bà NLQ2, ông NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ6 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống.

Tại các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NLQ2, ông NLQ1 và bà NLQ5 thống nhất với lời trình bày của bị đơn anh Bùi Thọ A. Riêng bà NLQ5 trình bày phần sửa chữa nhà như ông A đã trình bày là đúng nhưng bà NLQ5 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà NLQ2 trình bày có góp chung vợ chồng ông A sửa nhà nhưng không nhớ chi phí bao nhiêu, nhà sửa để ở nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông NLQ3, NLQ4, bà NLQ6 đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại văn bản ngày 18/3/2019, đại diện Ủy ban nhân dân phường B, TP. T, tỉnh Phú Yên do ông Nguyễn Văn Chinh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân có ý kiến: Ngày 02/7/2003 UBND phường B, TP. T chứng thực vào di chúc phân thư ngày 30/6/2003 của bà Võ Thị V với nội dung xác nhận chữ ký của bà V là đúng và ký trong lúc bà minh mẫn, còn về nội dung thì công dân tự chịu trách nhiệm, UBND phường B, TP. T không liên quan đến các tranh chấp chia tài sản của gia đình bà V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân TP. Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành;

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt giữ nguyên trình bày và yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, người tham gia tố tụng là đúng qui định. Đề nghị HĐXX căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì xác định giữa ông Bùi Hữu B và bà Võ Thị V có một người con tên NLQ7. Nguyên đơn trình bày bà NLQ7 mất tích từ năm 1985 cho đến nay không có tin tức gì, bị đơn cung cấp bà NLQ7 bỏ đi từ năm 1985 và hiện tại đang ở nước ngoài. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thì Tòa án chưa tiến hành xác minh thông tin về bà NLQ7 sống tại địa phương thời gian nào, bỏ đi thời gian nào. Nguyên đơn cho rằng bà NLQ7 mất tích

nhưng không cung cấp chứng cứ gì để xác định bà NLQ7 mất tích, việc một người mất tích thì có quyết định của Tòa án tuyên bố một người mất tích. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án tuyên bố bà NLQ7 mất tích. Tuy nhiên, nếu không tuyên bố mất tích đối với bà NLQ7 thì không có căn cứ giải quyết vụ án. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, để làm rõ hiện tại bà NLQ7 đang ở đâu; bà NLQ7 có mất tích hay không và nếu xác định mất tích thì tuyên bố một người mất tích đối với bà NLQ7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông NLQ1, NLQ3, NLQ4, bà NLQ6 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, UBND phường B, TP. T xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Bùi Hữu Bỹ, chết năm 1991 và bà Võ Thị V, chết năm 2006. Lúc còn sống, vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T thuộc thửa đất số: 67, tờ bản đồ số: 04-III-D-d, diện tích 125,1m². Năm 1991 ông B chết không để lại di chúc, bà V chết năm 2006 để lại di chúc phân thư ngày 30/6/2003. Nay thời hiệu chia thừa kế vẫn còn, nên bà H yêu cầu chia di sản thừa kế, nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp chia di sản thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Tuy Hòa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà ở và đất ở tại đường H, phường B, thành phố T thuộc thửa đất số: 67, tờ bản đồ số: 04-III-D-d, diện tích 125,1m² cho bà và ông A, bà NLQ7 theo quy định pháp luật và bà xin nhận di sản bằng giá trị.

[2.1] HĐXX thấy rằng: ông Bùi Hữu Bỹ và bà Võ Thị V có 03 người con là NLQ7, Bùi Thị Nghĩa H và Bùi Thọ A.

[2.2] Về di sản: ông Bùi Hữu Bỹ và bà Võ Thị V, lúc còn sống, vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T thuộc thửa đất số: 67, tờ bản đồ số: 04-III-D-d, diện tích 125,1m². Năm 1991 ông B chết không để lại di chúc, năm 2006 bà V chết để lại di chúc phân thư ngày 30/6/2003.

[2.3] Xét về nội dung di chúc phân thư ngày 30/6/2003 do bà V để lại thể hiện nội dung: để lại cho con Bùi Thọ A, vợ là NLQ5 và các con được thừa kế ở trong nhà đường H, dưới tầng trệt, phòng trước để làm nghề, phòng ở là đằng sau nơi hiện tại đang ở, bếp giếng thì dùng chung; phòng ngủ ở giữa hiện tại bà Võ Thị V ngủ thì để lại cho bà Bùi Thị Nghĩa H; vợ chồng ông NLQ1 và bà NLQ2 cùng các con ở phòng sau cùng trên tầng 2. Bùi Thọ A là thư từ lo việc cung điện, cúng giỗ ông bà tổ tiên. Nhà cửa không được thể chấp, không được bán thực, không cho người lạ vào ở.

Nội dung của di chúc phân thư nêu trên không thể hiện việc định đoạt di sản cho ai được hưởng quyền thừa kế di sản mà chỉ thể hiện cho những người có tên trong di chúc được sống và sinh hoạt trong ngôi nhà đường H mà thôi. Hơn nữa, di sản là tài sản chung của ông B, bà V nhưng bà V một mình làm di chúc phân thư cho các con và cháu... ở và hình thức di chúc này. Mặt khác, UBND phường B, TP. T chỉ xác nhận chữ ký của bà V chứ không phải lập di chúc theo hình thức di chúc có chứng thực của UBND nên không được coi là di chúc hợp pháp.

[2.4] Do đó, nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T là di sản thừa kế chưa chia. Nay bà H yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và xin nhận thừa kế bằng giá trị là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam, nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T có giá trị : 4.150.243.000đ; trong đó quyền sử dụng đất : 3.702.834.000đ, công trình xây dựng: 447.408.000đ. Như vậy, bà H, bà NLQ7, ông A mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau là: 4.150.243.000đ: 3 = 1.383.414.000đ. Tuy nhiên, ông A là người quản lý di sản của ông B, bà V từ khi bà V chết đến nay nên cần xem xét công sức đóng góp của ông A. Do đó, phần di sản bà H và bà NLQ7 được hưởng mỗi người trích ra 50.000.000đ để chia thêm cho ông A nên

cụ thể mỗi người được hưởng di sản là: ông A 1.483. 414.000đ, bà H và bà NLQ7 mỗi người 1.333.414.000đ

Hiện nay, ông A là người đang quản lý và sinh sống tại nhà và đất thuộc di sản thừa kế nêu trên nên cần giao cho ông A tiếp tục quản lý sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T và có trách nhiệm giao chia cho bà H, bà NLQ7 mỗi người 1.333.414.000đ.

[3] Đối với phần di sản chia cho bà NLQ7 được hưởng 1.333.414.000đ, Đại diện Viện kiểm sát yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để làm rõ hiện tại bà NLQ7 đang ở đâu; bà NLQ7 có mất tích hay không và nếu xác định mất tích thì tuyên bố một người mất tích đối với bà NLQ7. Thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp địa chỉ chính xác bà NLQ7 đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ nào, không yêu cầu Tòa án tuyên bố bà NLQ7 mất tích và Tòa án nhân dân TP. T có Công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an để làm rõ địa chỉ của bà Cẩm NLQ7 Klassen theo giấy cung cấp địa chỉ của ông Bùi Thọ A ngày 05/9/2018, nhưng Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an trả lời không có thông tin nhập xuất cảnh của bà Ha Klassen, ông A cung cấp địa chỉ của bà NLQ7 nhưng không có tài liệu, chứng cứ kèm theo nên phần di sản bà NLQ7 được hưởng tạm giao cho ông Bùi Thọ A quản lý. Quyền và nghĩa vụ của bà NLQ7 sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu (theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Phần di sản của bà NLQ7 được hưởng tạm giao cho ông A quản lý, sau này đương sự có quyền khởi kiện nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế. Do đó, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa, ông A, bà NLQ5 và bà NLQ2 trình bày quá trình ở tại nhà đường H, phường B, TP. T, vào năm 2012, 2014 có bỏ tiền ra sửa chữa nhà nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bà NLQ2, ông NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ6 hiện đang sống và đăng ký hộ khẩu tại ngôi nhà đường H, phường B, TP. T nhưng ngôi nhà này giao cho ông A quản lý sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở nên bà NLQ2, ông NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ6 được lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực.

[6] Về án phí: Bùi Thị Nghĩa H phải chịu 52.002.000đ, ông Bùi Thọ A phải chịu 56.505.000đ. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 10.000.000đ theo 02 biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10222 ngày 31/7/2018 và số 12235 ngày 25/02/2019 nên còn phải nộp tiếp 42.002.000đ.

[7] Về chi phí thẩm định giá: bà Bùi Thị Nghĩa H, ông Bùi Thọ A mỗi người chịu 5.000.000đ, bà H đã tạm ứng 10.000.000đ nên ông A phải hoàn trả cho bà H 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án, phí lệ phí

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018 của bà Bùi Thị Nghĩa H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Di sản thừa kế của cụ Bùi Hữu Bỹ, Võ Thị V là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường H, phường B, thành phố T thuộc thửa đất số: 67, tờ bản đồ số: 04-III-D-d, diện tích 125,1m² có giá trị 4.150.243.000đ chia cho 03 người con gồm NLQ7, Bùi Thị Nghĩa H mỗi người 1.383.414.000đ, ông Bùi Thọ A 1.483.414.000đ

Giao cho ông Bùi Thọ A được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường H, phường B, thành phố T thuộc thửa đất số: 67, tờ bản đồ số: 04-III-D-d, diện tích 125,1m². Giới cận: Bắc giáp thửa 66; Nam giáp các thửa 92, 94, 95, 96; Đông giáp đường H, Tây giáp thửa 97 (theo biên bản xác minh ngày 25-2-2019 tại UBND phường B, TP. T) và ông Bùi Thọ A có trách nhiệm giao chia cho NLQ7 số tiền 1.333.414.000đ, Bùi Thị Nghĩa H số tiền 1.333.414.000đ (*một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng*).

Tạm giao phần di sản của bà NLQ7 được hưởng 1.333.414.000đ (*một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng*) cho ông Bùi Thọ A quản lý, và sẽ được Tòa án giải quyết khi có đương sự yêu cầu.

Sau khi ông Bùi Thọ A thực hiện nghĩa vụ giao chia kỹ phần thừa kế cho bà Bùi Thị Nghĩa H xong thì ông A được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bà NLQ2, ông NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ6 được lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

Về chi phí thẩm định giá: bà Bùi Thị Nghĩa H và ông Bùi Thọ A mỗi người chịu 5.000.000đ nhưng bà H đã tạm ứng 10.000.000đ nên ông A trả cho bà H 5.000.000đ(*năm triệu đồng*).

Về án phí: Bùi Thị Nghĩa H phải chịu 52.002.000đ (*năm mươi hai triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng*), ông Bùi Thọ A phải chịu 56.502.000đ (*năm mươi sáu triệu năm trăm linh hai nghìn đồng*) án phí DS/ST. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 10.000.000đ theo 02 biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10222 ngày 31/7/2018 và số 12235 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Tuy Hòa nên còn phải nộp tiếp 42.002.000đ (*bốn mươi hai triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THA DS TP.Tuy Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Tự